

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 VND
- Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +(84) (028) 3846 6888

Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 26 tháng 10 năm 2023, mã chứng khoán giao dịch là NCG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý (CPC 865));
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ các hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. *Chi tiết:* Trồng rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản, ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính.

Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842);

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2022 Miễn nhiệm ngày 27/08/2025
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2025
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 11/02/2022
Ủy ban Kiểm toán		
Bà Trần Thị Thu Thảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/02/2022
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2022
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025
Bà Đặng Ngọc Khánh Vân	Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Quản trị hệ thống	Bổ nhiệm ngày 19/06/2025
Ông Huỳnh Bảo Thuận	Phó Tổng Giám đốc Sale và Marketing	Bổ nhiệm ngày 23/07/2025 Miễn nhiệm ngày 14/10/2025
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2025
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 23/05/2023
Đại diện theo pháp luật		
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/08/2025
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hiếu Liêm - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

IV. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngoài thông tin đã được trình bày ở thuyết minh số V.25b, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

VI. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Duyệt, ngày 10 tháng 10 năm 2025

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature in blue ink]

Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.272.267.510.351	2.058.303.725.144
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	145.757.568.132	114.424.543.373
111	Tiền		145.757.568.132	103.424.543.373
112	Các khoản tương đương tiền		-	11.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		28.027.058.138	14.917.058.138
121	Chứng khoán kinh doanh	V.2a	470.095	470.095
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	28.026.588.043	14.916.588.043
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.310.047.556.173	1.211.726.168.659
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	740.493.294.713	674.945.793.131
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	223.142.080.372	173.194.622.006
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	655.628.943.458	641.623.858.242
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	214.340.456.022	230.316.347.772
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(523.727.088.384)	(508.354.452.492)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		169.869.992	-
140	Hàng tồn kho	V.8	760.757.930.678	679.784.771.281
141	Hàng tồn kho		762.303.342.682	682.145.530.219
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.545.412.004)	(2.360.758.938)
150	Tài sản ngắn hạn khác		27.677.397.230	37.451.183.693
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	5.260.459.097	13.204.013.824
152	Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		2.477.771.371	2.133.363.006
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.18	19.939.166.762	22.113.806.863

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.628.733.479.609	1.717.199.981.200
210	Các khoản phải thu dài hạn		290.287.437.697	290.230.962.757
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	152.000.000.000	152.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	475.287.437.697	475.230.962.757
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.7	(337.000.000.000)	(337.000.000.000)
220	Tài sản cố định		833.300.578.567	887.000.795.309
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	711.013.910.363	757.508.598.625
222	Nguyên giá		1.393.592.587.316	1.388.899.753.666
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(682.578.676.953)	(631.391.155.041)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	21.031.551.714	22.554.729.291
225	Nguyên giá		26.005.404.773	26.005.404.773
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.973.853.059)	(3.450.675.482)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	101.255.116.490	106.937.467.393
228	Nguyên giá		161.500.087.207	161.411.087.207
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.244.970.717)	(54.473.619.814)
240	Tài sản dở dang dài hạn		85.852.514.422	85.345.406.906
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	85.852.514.422	85.345.406.906
250	Đầu tư tài chính dài hạn		153.813.821.138	161.129.260.669
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.2c	85.736.594.661	93.005.975.891
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2d	68.123.284.778	68.123.284.778
254	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.2d	(46.058.301)	-
260	Tài sản dài hạn khác		265.479.127.785	293.493.555.559
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	186.260.519.762	204.156.342.457
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	5.902.790.891	7.875.194.065
269	Lợi thế thương mại	V.15	73.315.817.132	81.462.019.037
270	TỔNG TÀI SẢN		3.901.000.989.960	3.775.503.706.344

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.738.230.210.461	1.770.900.493.156
310	Nợ ngắn hạn		1.677.843.078.459	1.648.354.423.788
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	298.465.235.083	243.771.681.553
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	26.733.142.155	29.818.238.685
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	21.735.172.855	24.284.636.042
314	Phải trả người lao động		22.663.735.264	27.211.466.061
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	97.790.167.167	69.964.098.870
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		48.839.384	97.678.786
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20	73.608.553.172	59.651.776.665
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.24a	1.131.178.562.823	1.187.694.540.981
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.21a	1.742.802.231	1.742.802.231
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	3.876.868.325	4.117.503.914
330	Nợ dài hạn		60.387.132.002	122.546.069.368
337	Phải trả dài hạn khác		280.000.000	280.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.24b	2.018.239.694	61.836.671.591
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.23	51.844.264.678	54.420.092.082
342	Dự phòng phải trả dài hạn	V.21b	6.244.627.630	6.009.305.695
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.162.770.779.499	2.004.603.213.188
410	Vốn chủ sở hữu		2.162.770.779.499	2.004.603.213.188
411	Vốn góp của chủ sở hữu	V.25	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	V.25	426.598.785.061	426.598.785.061
414	Vốn khác của chủ sở hữu	V.25	(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
418	Quỹ đầu tư phát triển	V.25	72.502.285.340	71.988.693.710
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.25	446.076.879.501	289.556.800.536
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước		276.201.651.057	206.687.922.078
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm nay		169.875.228.444	82.868.878.458
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.25	23.521.734.211	22.387.838.495
440	TỔNG NGUỒN VỐN		3.901.000.989.960	3.775.503.706.344



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập



TP. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 3/2025	Quý 3/2024	Năm nay / Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.157.369.715.477	1.186.302.213.183	3.594.807.400.019 / 3.339.167.262.183
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	79.389.157.331	85.996.281.384	262.866.721.495 / 235.810.265.728
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.077.980.558.146	1.100.305.931.799	3.331.940.678.524 / 3.103.356.996.455
11	Giá vốn hàng bán	VI.3	909.156.544.770	941.143.850.185	2.743.735.622.782 / 2.705.794.119.182
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.824.013.376	159.162.081.614	588.205.055.742 / 397.562.877.273
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	11.377.628.543	16.168.216.364	33.462.084.849 / 35.947.069.610
22	Chi phí tài chính	VI.5	21.383.472.301	10.761.696.391	72.375.581.891 / 79.380.883.075
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.770.471.955	21.217.453.655	52.592.138.344 / 65.433.224.098
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	V.2c	6.842.788.679	6.501.681.179	16.471.307.558 / 21.243.172.690
25	Chi phí bán hàng	VI.6	71.629.643.854	72.507.019.696	215.074.481.688 / 183.313.192.358
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	58.300.402.967	47.222.700.139	147.683.520.462 / 88.377.471.805
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.730.911.476	51.340.562.931	203.004.864.108 / 103.681.572.335
31	Thu nhập khác	VI.8	412.857.442	330.150.254	1.433.322.015 / 2.171.781.224
32	Chi phí khác	VI.9	97.027.951	82.632.709	361.189.939 / 3.380.183.490
40	Lợi nhuận khác		315.829.491	247.517.545	1.072.132.076 / (1.208.402.266)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.046.740.967	51.588.080.476	204.076.996.184 / 102.473.170.069
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.18	8.315.628.507	7.664.374.344	21.096.272.873 / 22.703.477.565
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.14, V.23	1.287.420.968	1.293.142.950	(603.424.230) / 2.837.715.549
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.443.691.492	42.630.563.182	183.584.147.541 / 76.931.976.955


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 3/2025	Quý 3/2024	Năm nay / Năm trước
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		20.823.855.182	39.483.516.306	169.875.228.444 / 64.535.338.960
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.619.836.310	3.147.046.876	13.708.919.097 / 12.396.637.995
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	174	330	1.418 / 539
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	174	330	1.418 / 539


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập


TP. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2025
Công-Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		204.076.996.184	102.473.170.069
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		71.428.200.128	74.603.897.799
03	Các khoản dự phòng		14.838.669.194	(52.493.323.500)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		4.071.205.438	680.814.283
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.192.900.440)	(48.580.839.389)
06	Chi phí lãi vay		52.592.138.344	65.433.224.098
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		299.814.308.848	142.116.943.360
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(68.689.349.468)	(134.173.360.154)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(80.157.812.463)	(40.012.405.862)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		71.988.709.576	(33.524.316.372)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		25.839.377.422	33.430.465.765
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.635.517.296)	(44.778.670.472)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.915.710.466)	(33.026.029.021)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.400.805.630)	(15.550.746.281)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		178.843.200.523	(125.518.119.037)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.524.199.634)	(15.545.901.648)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		328.276.343	5.209.702.763
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(62.908.085.216)	(235.516.588.043)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		35.793.000.000	267.258.661.758
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.024.161.851	43.811.046.733
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.286.846.656)	65.216.921.563

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.127.917.363.793	2.451.084.797.102
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.243.321.716.951)	(2.527.700.292.422)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(3.925.619.397)	(3.583.669.397)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.660.604.952)	(12.473.423.414)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(129.990.577.507)</i>	<i>(92.672.588.131)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		31.565.776.360	(152.973.785.605)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	114.424.543.373	294.901.008.976
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(232.751.601)	(48.677.765)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	145.757.568.132	141.878.545.606

TP. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lậpCông Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 VND
- Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cò và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %
Công ty - Trụ sở - Hoạt động kinh doanh chính		
Công ty Cổ phần Anova Feed	99.99	99.99
Trụ sở: Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh		
HĐKD chính: Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản		
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	94.96	94.96
Trụ sở: Số 54-56 Lê Quốc Hưng, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Chế biến các sản phẩm cò, CO ₂ ; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty - Trụ sở - Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	99,67	99,67
Trụ sở: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		
HĐKD chính: Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kinh doanh bất động sản		
Công ty Cổ phần Anova Farm	99,84	99,84
Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc		
Công ty Liên doanh TNHH Anova	57,00	57,00
Trụ sở: 36 Đại Lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn nguyên liệu, thành phẩm thuốc thú y		
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	99,556	99,556
Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, hóa chất		
Công ty Cổ phần Anova Biotech	99,80	99,80
Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản		
Công ty Cổ phần Anova Tech	85,83	85,83
Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc		
Công ty TNHH Thực Phẩm Mặt Trời Mọc	99,89	99,89
Trụ sở: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, Văn phòng Lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Bán buôn thực phẩm		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages	99,998	99,998
Trụ sở: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, Văn phòng Lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		
HĐKD chính: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty - Trụ sở - Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm (Công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Thực Phẩm Mặt Trời Mọc) Trụ sở: Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam HĐKD chính: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	99,30	99,30
Công ty Cổ phần HKV (Công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages) Trụ sở: 65 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam HĐKD chính: Sản xuất các sản phẩm cà phê, trà	98,87	98,87

5c. **Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Công ty - Trụ sở - Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %
Công ty Liên doanh Bio- Pharmachemie Trụ sở: Số 2/3, Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 19, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam HĐKD chính: Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi	30,01	30,01
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co Trụ sở: Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội HĐKD chính: Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, xuất nhập khẩu thuốc thú y	23,84	23,84
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (Công ty liên kết trực tiếp của Tổng Công ty Mía Đường II - CTCP) Trụ sở: Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam HĐKD chính: Sản xuất và buôn bán đường ăn	20,66	20,66

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.940 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.918 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay: áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp vốn: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn, nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí phát sinh. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu cho vay được trích lập dựa trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập BCTC theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Tập đoàn sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tập đoàn thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập BCTC.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tập đoàn đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tập đoàn có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Tập đoàn mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn).

7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Vật nuôi

Chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 - 44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi thanh lý tài sản hữu hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 52
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 08
Cây lâu năm, gia súc	04 - 16
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04 - 15

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mua mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một số tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi thanh lý tài sản vô hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Tài sản vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp với đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (tức ngày 1 tháng 7 năm 2004) được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian giao đất (42-44,8 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 10 năm.

Thương hiệu

Thương hiệu được xác định khi mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ;

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

13. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản dự phòng của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho một năm làm việc.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng hoàn nguyên môi trường

Khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường liên quan đến việc ước tính các chi phí thu dọn, tháo dỡ và vận chuyển máy móc thiết bị, nhà xưởng để khôi phục và hoàn trả mặt bằng.

Tăng, giảm số dự phòng hoàn nguyên môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản sản xuất kinh doanh trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Các khoản vay, nợ phải trả bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn vay tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập BCTC theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay, nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay, nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch khoản vay.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá. Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

17. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	524.607.019	25.407.086.991
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	145.232.961.113	78.017.456.382
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
Cộng	145.757.568.132	114.424.543.373

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Tổng giá trị cổ phiếu	470.095	-	-	470.095
Cộng	470.095	-	-	470.095

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	28.026.588.043	28.026.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043
Tiền gửi có kỳ hạn	28.026.588.043	28.026.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.026.588.043	28.026.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận sau phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie (*)	14.821.385.049	49.010.926.261	63.832.311.310	14.821.385.049
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co(**)	28.733.839.420	(6.829.556.069)	21.904.283.351	28.733.839.420
Cộng	43.555.224.469	42.181.370.192	85.736.594.661	43.555.224.469

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie 14.821.385.049 VND, tương đương 30,01% vốn điều lệ.
- (**) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co 8.584.000.000 VND, tương đương 23,84% vốn điều lệ, với giá phí khoản đầu tư là 28.733.839.420 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	67.578.219.079	19.994.781.019	(23.740.688.788)	63.832.311.310
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co	25.427.756.812	(3.523.473.461)	-	21.904.283.351
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	93.005.975.891	16.471.307.558	(23.740.688.788)	85.736.594.661

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hoà hoạt động, Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co hoạt động kinh doanh bị lỗ. Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	Nội dung nghiệp vụ	259.200.000	216.000.000
	Cung cấp dịch vụ		
	Bán hàng hóa	25.754.704.527	29.321.587.309
	Mua hàng hóa	11.405.463.250	8.287.952.588
	Thuê xe	270.000.000	270.000.000
	Cổ tức nhận được	23.740.688.788	24.254.821.086

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco	33.530.784.778	(46.058.301)	33.530.784.778	-
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
Cộng	68.123.284.778	(46.058.301)	68.123.284.778	-

Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom). Giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định là bình quân giá giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	5.335.744.712
Trích/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	46.058.301	-
Số cuối kỳ	46.058.301	5.335.744.712

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	3.869.793.159	2.205.777.662
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	3.869.793.159	2.205.777.662
Phải thu khách hàng khác	736.623.501.554	672.740.015.469
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	296.941.886.354	299.851.824.065
Công ty Cổ phần In Holdings	58.738.000.000	58.738.000.000
Các khách hàng khác	380.943.615.200	314.150.191.404
Cộng	740.493.294.713	674.945.793.131

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Enerfo Pte., Ltd.	4.876.307.520	69.554.359.976
Bunge S.A.	59.155.177.201	29.952.557.678
Mitsui&Co. (Asia Pacific) Pte. Ltd.	8.797.097.225	21.215.111.400
Viterra Agriculture Asia Pte., Ltd.	48.009.540.397	-
Các nhà cung cấp khác	102.303.958.029	52.472.592.952
Cộng	223.142.080.372	173.194.622.006
4b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	152.000.000.000	152.000.000.000
Cộng	152.000.000.000	152.000.000.000

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng nguyên tắc số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 01 tháng 11 năm 2022 về phân phối hàng hóa, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 theo Phụ lục số 01 ngày 28 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cùm Công Nghiệp Anova	629.846.858.242	635.423.858.242
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Kỳ	5.763.000.000	-
Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương	6.110.000.000	6.200.000.000
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	13.909.085.216	-
Cộng	655.628.943.458	641.623.858.242

6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6a. Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	2.646.505.122	-	37.684.967.966	-
Ký quỹ, ký cược (*)	130.501.940.000	-	130.645.340.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.027.500.000	-	1.027.500.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi dự thu	65.721.586.639	(3.127.893.662)	36.498.161.430	(349.636.437)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.442.924.261	(1.020.000)	24.460.378.376	(1.020.000)
Cộng	214.340.456.022	(3.128.913.662)	230.316.347.772	(350.656.437)
6b. Phải thu dài hạn khác				
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	337.000.000.000	(337.000.000.000)	337.000.000.000	(337.000.000.000)
Ký quỹ, ký cược (***)	138.287.437.697	-	138.230.962.757	-
Cộng	475.287.437.697	(337.000.000.000)	475.230.962.757	(337.000.000.000)

(*) Theo Thỏa thuận hứa mua, hứa bán phần vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET và Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng về việc mua lại toàn bộ cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nova Nutrition & Wellness (tương đương tỷ lệ 99,92%), khoản đặt cọc trị giá 130.000.000.000 đồng. Hợp đồng được gia hạn theo phụ lục số 02 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

(**) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01032022/HTKD/NVB-NVD ngày 29 tháng 3 năm 2022, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages (chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Nova Beverages) đã chuyển 337.000.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution để hợp tác kinh doanh trong thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng, kết quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận và được thanh toán cuối thời hạn hợp tác. Năm 2023 Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nova Beverages đã quyết định trích lập dự phòng khoản đầu tư trên do đánh giá triển vọng thu hồi vốn của dự án thấp.

(***) Ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ thuê trại chăn nuôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu về cho vay</i>	542.704.858.242	36.634.600.000	493.506.858.242	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	536.594.858.242	34.501.600.000	487.306.858.242	-
Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương	6.110.000.000	2.133.000.000	6.200.000.000	3.000.000.000
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	13.008.621.933	364.469.653	15.934.985.394	321.811.781
Công ty Cổ phần Đại Nam Ong Biển	6.910.000.000	-	6.910.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh TopCake	3.197.700.000	-	3.197.700.000	-
Các khách hàng khác	2.900.921.933	364.469.653	5.827.285.394	321.811.781
<i>Trả trước cho nhà cung cấp</i>	1.883.764.200	-	1.883.764.200	-
Công ty TNHH TM DV XNK Nông sản Quốc tế	1.883.764.200	-	1.883.764.200	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	9.565.861.883	6.436.948.221	783.647.393	432.990.956
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	8.550.913.126	5.985.639.188	-	-
Các đối tượng khác	1.014.948.757	451.309.033	783.647.393	432.990.956
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	337.000.000.000	-	337.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	337.000.000.000	-	337.000.000.000	-
Cộng	904.163.106.258	43.436.017.874	849.109.255.229	3.754.802.737

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho nhà cung cấp	Phải thu khác	Cộng
Số đầu năm	490.506.858.242	15.613.173.613	1.883.764.200	337.350.656.437	845.354.452.492
Trích lập dự phòng	15.563.400.000	-	-	2.778.257.225	18.341.657.225
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.969.021.333)	-	-	(2.969.021.333)
Số cuối kỳ	506.070.258.242	12.644.152.280	1.883.764.200	340.128.913.662	860.727.088.384

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	22.237.274.856	-	31.102.814.563	-
Nguyên liệu, vật liệu	304.509.799.931	(839.658.525)	271.481.762.870	(787.455.915)
Công cụ, dụng cụ	10.488.258.679	(49.574.276)	9.235.628.539	(101.776.886)
Chi phí SXKD dở dang	304.437.597.199	-	268.425.288.479	-
Thành phẩm	34.455.611.692	(94.041.859)	29.490.904.654	(95.239.849)
Hàng hoá	86.174.800.325	(562.137.344)	72.409.131.114	(1.376.286.288)
Cộng	762.303.342.682	(1.545.412.004)	682.145.530.219	(2.360.758.938)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.360.758.938	5.229.322.873
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(815.346.934)	(3.065.066.350)
Số cuối kỳ	1.545.412.004	2.164.256.523

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.796.466.963	2.224.101.139
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.463.992.134	10.979.912.685
Cộng	5.260.459.097	13.204.013.824

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật nuôi	75.406.977.591	94.452.680.974
Tiền thuê đất trả trước	61.266.208.261	62.456.828.327
Phí cơ sở hạ tầng	39.238.875.744	40.193.238.102
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.100.159.049	3.332.968.758
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.248.299.117	3.720.626.296
Cộng	186.260.519.762	204.156.342.457

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện				Cây lâu năm, giá súc	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý			
Nguyên giá							
Số đầu năm	622.380.007.058	675.406.576.186	45.114.500.755	33.889.338.920	7.447.896.887	4.661.433.860	1.388.899.753.666
Mua trong kỳ	208.135.992	8.042.713.086	91.800.000	92.550.556	-	-	8.435.199.634
Đầu tư XDCB hoàn thành	138.538.790	-	-	-	-	-	138.538.790
Thanh lý, nhượng bán	(92.990.909)	(576.216.276)	(2.337.136.819)	(132.000.000)	(639.160.770)	-	(3.777.504.774)
Giảm khác	-	(103.400.000)	-	-	-	-	(103.400.000)
Số cuối kỳ	622.633.690.931	682.769.672.996	42.869.163.936	33.849.889.476	6.808.736.117	4.661.433.860	1.393.592.587.316
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	230.652.792.140	336.965.327.017	28.020.746.289	25.399.248.190	7.088.207.037	3.264.834.368	631.391.155.041
Khấu hao trong kỳ	20.411.484.359	30.687.251.098	2.042.168.321	1.638.297.902	1.036.279.413	171.988.650	55.987.469.743
Thanh lý, nhượng bán	(92.990.909)	(576.216.276)	(2.148.997.926)	(132.000.000)	(446.401.537)	-	(3.396.606.648)
Điều chỉnh	-	-	-	-	(1.403.341.183)	-	(1.403.341.183)
Số cuối kỳ	250.971.285.590	367.076.361.839	27.913.916.684	26.905.546.092	6.274.743.730	3.436.823.018	682.578.676.953
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	391.727.214.918	338.441.249.169	17.093.754.466	8.490.090.730	359.689.850	1.396.599.492	757.508.598.625
Số cuối kỳ	371.662.405.341	315.693.311.157	14.955.247.252	6.944.343.384	533.992.387	1.224.610.842	711.013.910.363

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

608.918.186.216 VND

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

147.899.015.547 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	26.005.404.773	3.450.675.482	22.554.729.291
Khấu hao trong kỳ		1.523.177.577	
Số cuối kỳ	26.005.404.773	4.973.853.059	21.031.551.714

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.094.865.106	19.982.222.101	43.334.000.000	161.411.087.207
Mua trong kỳ	-	89.000.000	-	89.000.000
Số cuối kỳ	98.094.865.106	20.071.222.101	43.334.000.000	161.500.087.207
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	25.937.483.289	17.702.636.525	10.833.500.000	54.473.619.814
Khấu hao trong kỳ	1.731.963.186	789.337.717	3.250.050.000	5.771.350.903
Số cuối kỳ	27.669.446.475	18.491.974.242	14.083.550.000	60.244.970.717
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	72.157.381.817	2.279.585.576	32.500.500.000	106.937.467.393
Số cuối kỳ	70.425.418.631	1.579.247.859	29.250.450.000	101.255.116.490

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

70.425.418.631 VND

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

15.076.372.195 VND

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	43.128.097.087
Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.781.671.635	20.781.671.635
Các công trình khác	1.712.027.516	1.204.920.000
Quyền nghỉ dưỡng	20.230.718.184	20.230.718.184
Cộng	85.852.514.422	85.345.406.906

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lợi nhuận chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.875.194.065	4.282.720.602
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	(1.972.403.174)	93.337.252
Số cuối kỳ	5.902.790.891	4.376.057.854

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	106.739.683.373	112.149.837.973
- Các chi phí phải trả	11.589.963.584	2.899.371.837
- Chi phí lãi vay chưa được trừ ⁽ⁱ⁾	95.149.719.789	109.250.466.136
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	588.403.875.101	514.698.508.279
Cộng	695.143.558.474	626.848.346.252

⁽ⁱ⁾ Chi tiết chi phí lãi vay chưa được trừ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Năm 2020	-	25.090.676.938
Năm 2021	10.912.981.320	10.912.981.320
Năm 2022	9.523.639.158	9.523.639.158
Năm 2023	47.485.671.712	47.485.671.712
Năm 2024	16.237.497.008	16.237.497.008
9 tháng đầu năm 2025	10.989.930.591	-
Cộng	95.149.719.789	109.250.466.136

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

⁽ⁱⁱ⁾ Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Số cuối kỳ
Năm 2021	41.649.435.365
Năm 2022	68.722.134.384
Năm 2023	241.232.482.761
Năm 2024	195.664.558.469
9 tháng đầu năm 2025	41.135.264.122
Cộng	588.403.875.101

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	108.616.025.387	27.154.006.350	81.462.019.037
Phân bổ trong kỳ		8.146.201.905	
Số cuối kỳ	108.616.025.387	35.300.208.255	73.315.817.132

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả bên liên quan	1.697.907.623	1.697.907.623	3.449.908.643	3.449.908.643
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	1.697.907.623	1.697.907.623	3.449.908.643	3.449.908.643
Phải trả nhà cung cấp khác	296.767.327.460	296.767.327.460	240.321.772.910	240.321.772.910
Infoark Industry Co., Ltd.	32.258.656.256	32.258.656.256	7.554.919.680	7.554.919.680
Các nhà cung cấp khác	264.508.671.204	264.508.671.204	232.766.853.230	232.766.853.230
Cộng	298.465.235.083	298.465.235.083	243.771.681.553	243.771.681.553

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Kim Hà Việt	19.102.925.000	19.102.925.000
Các khách hàng khác	7.630.217.155	10.715.313.685
Cộng	26.733.142.155	29.818.238.685

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.880.167.800	7.939.593	8.455.199.953	7.939.593
Thuế xuất, nhập khẩu	-	111.180.075	-	569.326.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.558.117.575	19.312.982.095	13.548.412.405	21.053.496.395
Thuế thu nhập cá nhân	1.288.932.039	123.338.951	1.186.286.614	157.759.082
Tiền thuế đất	734.396.194	-	998.583.600	-
Các loại thuế khác	273.559.247	383.726.048	96.153.470	325.285.703
Cộng	21.735.172.855	19.939.166.762	24.284.636.042	22.113.806.863

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thức ăn chăn nuôi	Không chịu thuế
- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Hàng nông sản, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh thú y	5%
- Hàng hóa khác bán trong nội địa (*)	10%

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 30 tháng 6 năm 2025, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến 30 tháng 9 năm 2025, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Anova Feed – Trụ sở chính được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi với thuế suất ưu đãi 17%. Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo.
- Công ty Liên doanh TNHH Anova: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 9804265147 ngày 23 tháng 3 năm 2020 do Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản với thuế suất 15% hàng năm, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Anova Feed	9.671.972.654	11.711.171.370
Công ty Cổ phần Anova Biotech	3.128.472.087	3.215.182.151
Công ty Cổ phần Anova Tech	93.431.947	87.982.158
Công ty Liên doanh TNHH Anova	5.596.595.151	3.963.710.807
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	782.059.874	1.623.910.354
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	1.823.741.160	2.101.520.725
Cộng	21.096.272.873	22.703.477.565

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	55.920.202.050	48.256.072.150
Chi phí lãi vay phải trả	8.748.008.177	2.932.089.145
Chi phí hoa hồng đại lý	2.301.880.046	1.255.390.278
Tiền thuê đất	2.457.887.833	2.457.887.833
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	28.362.189.061	15.062.659.464
Cộng	97.790.167.167	69.964.098.870

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH	50.483.978.246	31.379.856.878
- Chi phí lãi vay	45.891.981.285	29.970.727.917
- Phải trả khác	4.591.996.961	1.409.128.961
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.588.681.650	11.067.191.676
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.535.893.276	17.204.728.111
Cộng	73.608.553.172	59.651.776.665

21. Dự phòng phải trả**21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng xây dựng cơ bản dở dang nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên.

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Giảm do sử dụng/hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Trợ cấp thôi việc	2.868.322.265	234.246.935	(234.500.000)	2.868.069.200
Hoàn nguyên môi trường	3.140.983.430	235.575.000	-	3.376.558.430
Cộng	6.009.305.695	469.821.935	(234.500.000)	6.244.627.630

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.117.503.914	5.091.757.392
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.887.214.000	14.550.056.810
Chi quỹ	(15.127.849.589)	(15.013.296.316)
Giảm khác	-	(96.422.952)
Số cuối kỳ	3.876.868.325	4.532.094.934

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.420.092.082	58.503.034.478
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.575.827.404)	2.931.052.801
Số cuối kỳ	51.844.264.678	61.434.087.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vay và nợ thuê tài chính

24a. Vay ngắn hạn

Ngân hàng

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch ⁽ⁱ⁾
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) ^(v)

Tổ chức

- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ^(vi)
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova ^(vii)
- Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution ^(viii)

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả

- Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH ^(ix)
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ^(x)
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(xi)

Cộng

1.131.178.562.823	1.131.178.562.823	1.187.694.540.981	1.187.694.540.981
-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

833.928.078.627	833.928.078.627	888.312.031.785	888.312.031.785
432.723.088.816	432.723.088.816	447.586.841.975	447.586.841.975
23.350.972.370	23.350.972.370	34.790.578.218	34.790.578.218
302.951.832.841	302.951.832.841	303.522.797.048	303.522.797.048
69.775.623.345	69.775.623.345	86.330.382.123	86.330.382.123
5.126.561.255	5.126.561.255	16.081.432.421	16.081.432.421

23.920.000.000	23.920.000.000	16.920.000.000	16.920.000.000
7.000.000.000	7.000.000.000		
10.420.000.000	10.420.000.000	10.420.000.000	10.420.000.000
6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000

273.330.484.196	273.330.484.196	282.462.509.196	282.462.509.196
268.096.325.000	268.096.325.000	277.228.350.000	277.228.350.000
4.413.479.196	4.413.479.196	4.413.479.196	4.413.479.196
820.680.000	820.680.000	820.680.000	820.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24b. Vay dài hạn

Tổ chức

Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH ^(ix)

Nợ thuê tài chính

Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ^(x)

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(xi)

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	-	-	55.892.812.500	55.892.812.500
	-	-	55.892.812.500	55.892.812.500
	2.018.239.694	2.018.239.694	5.943.859.091	5.943.859.091
	1.471.159.694	1.471.159.694	4.781.269.091	4.781.269.091
	547.080.000	547.080.000	1.162.590.000	1.162.590.000
	2.018.239.694	2.018.239.694	61.836.671.591	61.836.671.591

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Số đầu năm

Vay dài hạn tổ chức

Nợ thuê tài chính

Cộng

Số cuối kỳ

Vay dài hạn tổ chức

Nợ thuê tài chính

Cộng

	Từ 01 năm trở xuống		Trên 01 năm đến 05 năm		Trên 05 năm	
	Tổng nợ					
	333.121.162.500	277.228.350.000	55.892.812.500	-	-	-
	11.178.018.287	5.234.159.196	5.943.859.091	-	-	-
	344.299.180.787	282.462.509.196	61.836.671.591	-	-	-
	268.096.325.000	268.096.325.000	-	-	-	-
	7.252.398.890	5.234.159.196	2.018.239.694	-	-	-
	275.348.723.890	273.330.484.196	2.018.239.694	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 550.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 550.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ (Thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày giải ngân và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, quyền thu nợ phải tương ứng hình thành từ vốn vay (Thuyết minh số V.3 và V.8).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ (Thuyết minh số V.3, V.8 và V.10).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 70.000.000.000 VND. Khoản vay này đã được tất toán trong kỳ.
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại Nhà máy Xuxifarm tại tỉnh Long An, hợp đồng tiền gửi trị giá 5.116.588.043 VND và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va phát hành, thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 332.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 332.000.000.000 VND, Quyền sử dụng đất, hàng hóa, và tài sản cố định của nhà máy ở Trụ sở chính; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET – một công ty thành viên thuộc Tập đoàn và Quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed với giá trị cao nhất 150.000.000.000 VND (Thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản hoạt động xuất kinh doanh. Thời hạn vay/bảo lãnh/phát hành thư tín dụng là 12 tháng với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho (Thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 30.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản tại Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương (Thuyết minh số V.10 và V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 70.000.000.000 VND.
- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) bao gồm:
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Biotech với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 640.000 USD với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 640.000 USD (giá trị bảo đảm sẽ được quy đổi thành VND tại thời điểm phát sinh sự kiện).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 28.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn 2.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Anova Farm tương ứng với 30% dư nợ và Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 28.000.000.000 VND. Khoản vay này được tất toán trong kỳ.
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 7.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 6 tháng và được đảm bảo bằng thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer trị giá 7.000.000.000 VND.
- (vii) Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova, thời hạn vay là 2 năm và được gia hạn với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.
- (viii) Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần HKV tại Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn tối đa 12 tháng với lãi suất từ 6,5%/năm.
- (ix) Vay Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, bao gồm:
 - Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021 để phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung và dài hạn. Khoản vay đáo hạn trong năm 2026 với lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET, Công ty Cổ phần NovaGroup và 35% giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang được nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH).
 - Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền 10.000.000 USD theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khoản vay có thời hạn 5 năm với lãi suất 4,89%/năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai (Thuyết minh số V.10 và V.12). Khoản vay này được tất toán trong kỳ.
- (x) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.
- (xi) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 36 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	224.549.770.748	20.517.703.946	1.936.725.359.381
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	64.535.338.960	12.396.637.995	76.931.976.955
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	1.000.689.471	(13.629.222.690)	(1.921.523.591)	(14.550.056.810)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(12.473.423.414)	(12.473.423.414)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(385.944.371)	-	(385.944.371)
Số dư cuối kỳ trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.711	275.069.942.647	18.519.394.936	1.986.247.911.741
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	169.875.228.444	13.708.919.097	183.584.147.541
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	513.591.630	(13.486.433.014)	(1.914.372.616)	(14.887.214.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(10.660.604.952)	(10.660.604.952)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	131.283.535	(45.813)	131.237.722
Số dư cuối kỳ này	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	446.076.879.501	23.521.734.211	2.162.770.779.499

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	785.873.850.000	785.873.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	164.389.210.000	164.389.210.000
Các cổ đông khác	247.580.190.000	247.580.190.000
Cộng	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NCG ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Công ty mẹ, các cổ đông đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty mẹ đã được phê duyệt năm 2024. Mặt khác, Công ty mẹ đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP năm 2025 của Công ty mẹ với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty mẹ tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến quý II năm 2026.

25c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 VND/cổ phiếu	

25d. Cổ tức đã trả

: Không phát sinh

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	Nguyên tệ	432.019,66	138.267,42

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
1a. Tổng doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	628.473.803.071	634.418.535.693
Doanh thu bán thành phẩm	2.960.758.060.223	2.700.927.607.047
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.575.536.725	3.535.101.519
Doanh thu khác	-	286.017.924
Cộng	3.594.807.400.019	3.339.167.262.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, V.3, Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	256.160.652.959	231.712.484.565
Hàng bán bị trả lại	6.687.068.756	1.625.332.055
Giảm giá hàng bán	18.999.780	2.472.449.108
Cộng	262.866.721.495	235.810.265.728

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	538.912.083.904	514.793.275.104
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.193.571.001.159	2.191.732.059.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.067.884.653	2.333.850.629
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(815.346.934)	(3.065.066.350)
Cộng	2.743.735.622.782	2.705.794.119.182

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	654.905.103	707.901.225
Lãi tiền cho vay	30.121.374.399	32.528.798.827
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.967.281.229	2.281.947.735
Chiết khấu thanh toán	717.266.071	349.944.583
Doanh thu tài chính khác	1.258.047	500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	77.977.240
Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung ương Navetco	-	77.977.240
Cộng	33.462.084.849	35.947.069.610

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	52.592.138.344	65.433.224.098
Lãi mua hàng trả chậm	5.173.662.932	235.183.884
Chiết khấu thanh toán cho người mua	2.086.095.565	2.110.262.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.406.421.311	8.757.472.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.071.205.438	680.814.283
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	46.058.301	-
Chi phí tài chính khác	-	2.163.925.872
Cộng	72.375.581.891	79.380.883.075

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	75.493.580.183	71.741.993.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.432.339.178	1.390.406.591
Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo	65.084.721.505	59.824.405.925
Chi phí vận chuyển	17.985.310.377	6.076.272.119
Chi phí thuê	11.154.998.657	7.813.137.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.741.059.787	10.001.346.210
Các chi phí khác	34.182.472.001	26.465.630.463
Cộng	215.074.481.688	183.313.192.358

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	76.283.273.467	67.326.083.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.443.262.662	15.677.202.879
Phân bổ lợi thế thương mại	8.146.201.905	8.146.201.905
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	18.339.664.186	(41.060.622.027)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.436.875.145	7.002.637.792
Các chi phí khác	25.034.243.097	31.285.967.368
Cộng	147.683.520.462	88.377.471.805

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	191.910.736	257.986.531
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	40.000.000	22.492.000
Tiền thưởng, quà biếu tặng	248.381.649	174.269.750
Thu nhập khác	953.029.630	1.717.032.943
Cộng	1.433.322.015	2.171.781.224

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	766.266.033
Các khoản bị phạt	263.128.816	271.938.929
Chi phí khác	98.061.123	2.341.978.528
Cộng	361.189.939	3.380.183.490

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	169.875.228.444	64.535.338.960
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	169.875.228.444	64.535.338.960
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	119.784.325	119.784.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.418	539

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.727.186.742.676	1.811.364.450.056
Chi phí nhân công	646.134.223.582	543.682.839.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	71.428.200.128	74.603.897.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.520.242.042	334.461.170.246
Chi phí khác	329.382.028.967	253.384.831.605
Cộng	3.186.651.437.395	3.017.497.189.207

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Các cổ đông lớn dùng 35% cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty mẹ để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (Thuyết minh số V.24).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	2.248.315.576	2.532.239.006
Thù lao của Ban quản lý	2.933.481.814	1.862.130.786
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	1.320.845.939	1.862.130.786
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc	1.612.635.875	-
Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác	411.518.400	320.053.903
Cộng	5.593.315.790	4.714.423.695

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, V.3, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Trong kỳ, không phát sinh giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau. Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sức khỏe vật nuôi: Sản xuất, mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và trang trại: Sản xuất, thương mại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và chăn nuôi gia súc.
- Lĩnh vực thực phẩm: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Sức khỏe vật nuôi	Thực ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	701.497.278.329	2.343.187.364.080	286.522.790.653	733.245.462	-	3.331.940.678.524
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	125.717.565.930	216.203.270	726.252.257	17.305.835.477	(143.965.856.934)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	827.214.844.259	2.343.403.567.350	287.249.042.910	18.039.080.939	(143.965.856.934)	3.331.940.678.524
Giá vốn hàng bán	662.024.934.892	2.022.469.840.826	187.058.578.579	4.816.083.847	(132.633.815.362)	2.743.735.622.782
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	165.189.909.367	320.933.726.524	100.190.464.331	13.222.997.092	(11.332.041.572)	588.205.055.742
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(362.758.002.150)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						225.447.053.592
Doanh thu hoạt động tài chính						33.462.084.849
Chi phí tài chính						(72.375.581.891)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	16.471.307.558	-	-	-	-	16.471.307.558
Thu nhập khác						1.433.322.015
Chi phí khác						(361.189.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(21.096.272.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						603.424.230
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						183.584.147.541

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ trước	Sức khỏe vật nuôi	Thực ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	635.446.023.489	2.190.909.651.395	276.412.701.571	588.620.000	-	3.103.356.996.455
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	120.658.161.619	184.738.895.987	4.495.317.871	15.640.540.000	(325.532.915.477)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	756.104.185.108	2.375.648.547.382	280.908.019.442	16.229.160.000	(325.532.915.477)	3.103.356.996.455
Giá vốn hàng bán	603.276.592.761	2.190.855.254.907	213.613.794.274	4.370.065.252	(306.321.588.012)	2.705.794.119.182
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	152.827.592.347	184.793.292.475	67.294.225.168	11.859.094.748	(19.211.327.465)	397.562.877.273
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(271.690.664.163)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						125.872.213.110
Doanh thu hoạt động tài chính						35.947.069.610
Chi phí tài chính						(79.380.883.075)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	21.243.172.690	-	-	-	-	21.243.172.690
Thu nhập khác						2.171.781.224
Chi phí khác						(3.380.183.490)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(22.703.477.565)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(2.837.715.549)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						76.931.976.955

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	852.300.186.842	2.148.668.479.757	1.145.208.361.259	-	(2.227.884.450.704)	1.918.292.577.154
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						1.982.708.412.806
Tổng tài sản						3.901.000.989.960
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	305.956.779.465	865.831.522.237	268.976.626.421	-	(38.693.179.130)	1.402.071.748.993
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						336.158.461.468
Tổng nợ phải trả						1.738.230.210.461
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	767.314.009.527	2.091.299.649.191	1.159.432.188.906	-	(2.203.309.289.625)	1.814.736.557.999
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						1.960.767.148.345
Tổng tài sản						3.775.503.706.344
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	230.015.284.213	958.674.491.518	283.416.492.692	-	(30.461.601.353)	1.441.644.667.070
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						329.255.826.086
Tổng nợ phải trả						1.770.900.493.156

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập

TP. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên

Phó Tổng Giám đốc

